

Số: /BC-SNN&PTNT

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
**Dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Ún,
xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ các Luật của Quốc hội: Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng sửa đổi số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 137/KH-BCĐ ngày 17/5/2022 của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Ún, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Ún, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

2. Dự án nhóm: Nhóm C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Thanh Hoá.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Thanh Hoá.

5. Tên chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư xây dựng: Không quá 26.400 triệu đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh; riêng chi phí GPMB (nếu có) do ngân sách huyện chi trả.

9. Hình thức đầu tư: Đầu tư công.

10. Dự kiến thời gian bố trí vốn: Không quá 03 năm kể từ thời điểm bắt đầu bố trí vốn để triển khai thực hiện dự án.

11. Lĩnh vực: Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản.

12. Dự kiến thời gian thực hiện dự án: Không quá 03 năm (từ năm 2023-2025).

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện thuận lợi và khó khăn, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư

1.1. Sự cần thiết đầu tư

Bản Ún, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, có 88 hộ nằm trong vùng có nguy cơ mất an toàn cao, đây là các hộ người dân tộc Mông sinh sống nằm sát chân đồi. Hiện nay trên núi xuất hiện nhiều cung sạt, đứt chân đồi nguy cơ gây sạt lở rất cao. Để đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho người dân thì việc di dời, bố trí tái định cư cho các hộ dân khu vực bản Ún, xã Mường Lý, huyện Mường Lát là thực sự cần thiết.

1.2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư

Dự án được sự ủng hộ cao và là nguyện vọng thiết tha của chính quyền và nhân dân địa phương, mong muốn công trình sớm được triển khai thi công để ổn định tình hình kinh tế - xã hội của nhân dân địa phương.

Công tác GPMB phục vụ thi công dự án không gặp nhiều khó khăn do được sự đồng thuận của cộng đồng dân cư khu vực thực hiện dự án.

1.3. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư

Dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Ún, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa phù hợp với:

- Phương án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư nhỏ lẻ và dân cư tại các vùng có nguy cơ cao bị ảnh hưởng của thiên tai thuộc các huyện miền núi, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 03/8/2018;

- Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021;

- Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư

2.1. Mục tiêu dự án

- Đầu tư dự án giúp đảm bảo cho tính mạng, tài sản của người dân đến nơi ở mới an toàn.

- Từng bước ổn định đời sống cho nhân dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, phát huy hiệu quả của đầu tư cơ sở hạ tầng, góp phần giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và củng cố an ninh, quốc phòng.

2.2. Phạm vi, quy mô đầu tư

- Phạm vi đầu tư: Khu vực dự kiến thực hiện dự án được xác định tại các thửa đất số 92, 96, 105, 99 thuộc tờ bản đồ số 869, bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Mường Lý năm 2017, nguồn gốc đất là đất rừng sản xuất.

- Quy mô đầu tư: Đầu tư khu tái định cư tập trung để bố trí sắp xếp ổn định cho 88 hộ dân, với diện tích thực hiện dự án khoảng 7,0ha, gồm các hạng mục chính: San lấp mặt bằng; đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu thiết yếu cho người dân khu tái định cư (đường giao thông, đường điện, hệ thống cấp thoát nước...).

- Dự án được triển khai trên địa bàn huyện miền núi, diện tích khu đất được lựa chọn dựa trên đặc điểm, tình hình và nhu cầu bố trí quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương, phù hợp với quỹ đất hiện có và phong tục, tập quán canh tác của từng dân tộc. Quá trình thực hiện phải đảm bảo diện tích đất ở không vượt quá hạn mức tối đa theo Quy định tại Quyết định 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014; Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả đầu tư, không làm vượt tổng mức đầu tư dự án. Diện tích khu đất bố trí TĐC phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.3. Địa điểm đầu tư: Xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư

3.1. Tổng mức đầu tư dự kiến: Không quá 26.400 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Tổng mức đầu tư được xác định theo phương pháp xác định từ dữ liệu về chi phí của các dự án, công trình tương tự đang triển khai thực hiện trên cùng địa bàn (khu tái định cư tập trung Bản Ôn, xã Tam Chung, huyện Mường Lát; khu tái định cư tập trung khu Co Hương, bản Ngàm, xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn; khu tái định cư tập trung bản Lở, xã Nam Động, huyện Quan Hóa có mức hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng là 300 triệu đồng/hộ phù hợp với chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 590-KL/TU ngày 08/9/2021 và Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh).

3.2. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh; riêng chi phí GPMB (nếu có) do ngân sách huyện Mường Lát chi trả.

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư và dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả

- Dự kiến thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2023 đến năm 2025.

- Dự kiến thời gian bố trí vốn thực hiện dự án: Không quá 03 năm kể từ thời điểm bắt đầu bố trí vốn để triển khai thực hiện dự án.

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành

- Chi phí liên quan trong quá trình thực hiện: Không.

- Chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành: Theo chi phí quản lý thường xuyên hàng năm của đơn vị được giao quản lý sử dụng công trình.

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng (nếu có): Giao UBND huyện Mường Lát chịu trách thực hiện giải phóng mặt bằng công trình.

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội

6.1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội

a) Tác động về môi trường

Dự án không gây bất lợi lớn cho môi trường, tuy nhiên trong quá trình thi công xây dựng các công trình trong vùng sẽ phát sinh một số vấn đề cần quan tâm như:

- Nước thải: Từ các lán trại thi công do tập trung nhiều công nhân, máy móc, thiết bị;

- Không khí: Do các phương tiện thi công làm ô nhiễm cục bộ môi trường thi công và vùng phụ cận;

- Ô nhiễm tiếng ồn: Tiếng ồn từ máy móc thi công và vận chuyển vật liệu xây dựng.

- Chất thải rắn: Vật liệu dư thừa khi thi công mà không tái sử dụng được và rác thải trong sinh hoạt của công nhân.

Để giải quyết các vấn đề về môi trường trong quá trình thực hiện dự án cần phải:

- Thông báo cho chính quyền địa phương và dân cư trong vùng về kế hoạch thi công, thực hiện tốt công tác đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư theo đúng quy định pháp luật và kịp thời nhằm sớm ổn định đời sống người dân.

- Song song với việc giám sát dự án đầu tư phải tiến hành giám sát về môi trường trong thời gian thi công, cần lập kế hoạch và biện pháp quản lý các chất thải rắn và lỏng để đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn cho sức khỏe của cán bộ công nhân thi công và nhân dân trong khu vực theo quy định.

- Tập huấn, tuyên truyền cho công nhân các quy định về bảo vệ môi trường; Thu gom rác thải, nước thải sinh hoạt và đổ bỏ vào nơi quy định sau đó sẽ được xử lý và chôn lấp.

- Thực hiện đầy đủ việc che chắn các phương tiện chở vật tư, vật liệu trong quá trình thi công. Tưới nước định kỳ khu vực thi công để giảm bụi. Hạn chế tiếng ồn và việc chặt phá cây xanh trong khu vực xây dựng.

- Hoàn trả lại mặt bằng đối với khu vực sử dụng làm mặt bằng công trường, san trả lại các bãi vật liệu sau khi khai thác vật liệu. Tháo dỡ lán trại nhà kho và thu dọn vệ sinh mặt bằng trước khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

b. Tác động về xã hội:

Bên cạnh những tác động tích cực về mặt xã hội như tạo thêm công việc cho người dân trong vùng, việc triển khai thực hiện dự án cũng có thể mang lại những tác động tiêu cực như: Xảy ra tình trạng mâu thuẫn giữa lực lượng công nhân với cư dân bản địa, có thể phát sinh tai nạn lao động, tai nạn giao thông trong quá trình triển khai thi công. Tuy nhiên, các tác động này có thể giảm thiểu bằng cách thực hiện nghiêm túc các biện pháp đảm bảo trật tự, đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thi công.

6.2. Hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội

Thực hiện dự án bố trí sắp xếp dân cư sẽ hình thành cụm dân cư tập trung để tạo lập vùng chuyên canh sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đồng thời áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất giúp nâng cao hiệu quả kinh tế nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn; giảm nhẹ thiệt hại về tài sản và con người do ảnh hưởng của thiên tai, nhất là trong mùa lũ hàng năm.

Việc hỗ trợ di dời và đầu tư cơ sở hạ tầng tại điểm tái định cư góp phần giảm bớt những khó khăn, đảm bảo điều kiện để người dân yên tâm phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống tại nơi ở mới và bảo vệ trật tự an toàn xã hội, góp phần thực hiện tốt chủ trương xoá đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới.

7. Phân chia dự án thành phần: Không.

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện.

8.1. Tổ chức quản lý:

- Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Phương thức thực hiện dự án: Thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý đầu tư công, đấu thầu và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

8.2. Tổ chức thực hiện:

- Phối hợp với chính quyền thực hiện tốt công tác tuyên truyền để người dân hiểu rõ lợi ích, đồng lòng trong việc thực hiện các mục tiêu của dự án.

- Lựa chọn các Nhà thầu có kinh nghiệm, năng lực trong công tác tư vấn, giám sát, thi công để đảm bảo dự án hiệu quả, tiết kiệm và hoàn thành sớm nhất.

- Đầu mỗi bố trí vốn kịp thời để hoàn thành dự án; lựa chọn giải pháp thi công, xây dựng tiến độ thi công hợp lý, thực hiện tốt việc giám sát môi trường nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng việc thi công đến đời sống của người dân.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư Dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Ún, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu VT, PTNT.

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Cường

Phụ lục: Sơ bộ tổng mức đầu tư dự án

(Kèm theo báo cáo số /BC-SNN&PTNT ngày / /2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	Chi phí GPMB						
2	Chi phí xây dựng				21.539.704.690	1.721.016.375	23.260.721.065
2.1	Chi phí xây dựng công trình chính				21.539.704.690	1.721.016.375	23.260.721.065
3	Chi phí thiết bị			Theo bảng tổng hợp chi phí TB			
4	Chi phí quản lý dự án	2,448%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ 1,35	711.844.161	56.947.533	768.791.694
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				1.691.757.646	132.136.618	1.758.844.356
5.1	Chi phí khảo sát địa chất	TT			30.000.000	2.400.000	32.400.000
5.2	Chi phí khảo sát địa hình	TT			140.000.000	11.200.000	151.200.000
5.3	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	TT			100.000.000	10.000.000	110.000.000
5.4	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	5.100.000	408.000	5.508.000
5.5	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,647%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	139.361.889	11.148.951	150.510.840
5.6	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,05%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	10.769.852	861.588	11.631.440
5.7	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,144%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	31.017.175	2.481.374	33.498.549
5.8	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	1,995%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	429.717.109	34.377.369	464.094.478
5.9	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,17%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	36.617.498	2.929.400	39.546.898
5.10	Chi phí thẩm tra dự toán công trình (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,164%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	35.325.116	2.826.009	38.151.125
5.11	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,807%		Gtv trước thuế x tỷ lệ	8.675.656	694.052	9.369.708

5.12	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,317%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	68.280.864	5.462.469	73.743.333
5.13	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,242%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	482.920.179	38.633.614	521.553.793
5.14	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,803%		Dự toán gói thầu TB trước thuế x tỷ lệ			
5.15	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	4,072%		Gks trước thuế x tỷ lệ	6.922.400	553.792	7.476.192
5.16	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	80.000	1.080.000
5.17	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	80.000	1.080.000
5.18	Chi phí tư vấn lập kế hoạch bảo vệ MT	TT			100.000.000	8.000.000	108.000.000
6	Chi phí khác				576.741.199	34.611.965	611.353.164
6.1	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 329/2016/TT-BTC)	0,2%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	43.079.409	3.446.353	46.525.762
6.2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	0,017%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	4.338.381		4.338.381
6.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,349%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	89.565.749		89.565.749
6.4	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,569%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	145.964.704	11.677.176	157.641.880
6.5	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật (Thông tư 210/2016/TT- BTC)	0,118%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	25.416.852		25.416.852
6.6	Phí thẩm định dự toán xây dựng (Thông tư 210/2016/TT- BTC)	0,115%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	24.770.660		24.770.660
6.7	Chi phí công tác giám sát, đánh giá đầu tư (Nghị định 84/2015/NĐ-CP)	20%		Chi phí quản lý dự án x tỷ lệ	142.368.832	11.389.507	153.758.339
6.8	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	20%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	96.584.036	7.726.723	104.310.759

6.9	Chi phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	15%		Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi x tỷ lệ	4.652.576	372.206	5.024.782
7	Chi phí dự phòng						
7.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			(Ggpm _b +G _x d+G _t b+G _q l _d a+G _t v+G _k) sau thuế x tỷ lệ			
	Tổng cộng				24.520.047.696	1.944.712.491	26.399.710.279
	Làm tròn						26.400.000.000